

Bản án số: **206/2022/KDTM-PT**
Ngày 09/12/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phan Hồng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 09/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 154/2022/TLPT-KDTM ngày 19/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 533/2022/QĐ-PT ngày 03/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 582/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C

Địa chỉ: THĐ, phường CN, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông TMB - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LĐG – Phó phòng Tổng hợp; Ông NKT – Nhân viên thu nợ. Địa chỉ: đường HQV, quận C, thành phố Hà Nội (Theo Văn bản ủy quyền số 1048 ngày 15/8/2022); có mặt

-Bị đơn: Công ty cổ phần B

Địa chỉ: đường TP, phường VQ, quận H, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: đường PH, phường PL, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐVC – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NĐĐ – Phó Giám đốc; có mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông ĐVC, sinh năm 1971; có đơn xin vắng mặt

2. Bà VTX, sinh năm 1971; có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: đường HQV, tổ 28 (nay là: phố NĐH, tổ 25), phường NĐ, quận C, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh NTL đã cho Công ty cổ phần B vay vốn theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 12.104.0001/HĐTDNT/NTL-BĐ10 ngày 22/11/2012 cùng các hợp đồng tín dụng kèm theo. Số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc là 26.660.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng phần cọc nhồi, phần móng và phần tầng hầm công trình Tòa nhà hỗn hợp Dịch vụ và Nhà ở tại địa chỉ PH, HĐ, Hà Nội.

Các hợp đồng tín dụng kèm theo gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 01-HĐTD/NTL-BĐ10 ngày 23/11/2012. Tổng số tiền giải ngân 3.653.596.080 đồng.

+ Giấy nhận nợ số 01 ngày 23/11/2012 số tiền giải ngân 3.123.596.080 đồng, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 217.718.958 đồng (gồm nợ lãi 156.421.959 đồng; nợ lãi quá hạn 61.296.999 đồng).

+ Giấy nhận nợ số 02 ngày 27/11/2012 số tiền giải ngân 530.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 37.570.360 đồng (gồm nợ lãi 26.970.610 đồng; nợ lãi quá hạn 10.599.750 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 02-HĐTD/NTL-BĐ10 ngày 12/12/2012. Tổng số tiền giải ngân 4.728.348.916 đồng.

+ Giấy nhận nợ số 01 ngày 12/12/2012 số tiền giải ngân 2.428.348.916 đồng, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày

22/07/2022 là 204.741.205 đồng (gồm nợ lãi 145.937.716 đồng; nợ lãi quá hạn 58.803.489 đồng).

+ Giấy nhận nợ số 02 ngày 13/12/2012 số tiền giải ngân là 2.300.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 366.522.333 đồng (gồm nợ lãi 258.659.333 đồng; nợ lãi quá hạn 107.863.000 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 04-HĐTD/NTL-BĐ10 ngày 14/12/2012. Tổng số tiền giải ngân 3.800.000.000 đồng.

+ Giấy nhận nợ số 01 ngày 14/12/2012 số tiền giải ngân 2.800.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ dư nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 506.997.265 đồng (gồm nợ lãi 356.872.251 đồng; nợ lãi quá hạn 150.125.014 đồng).

+ Giấy nhận nợ số 02 ngày 14/12/2012 số tiền giải ngân 1.000.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm. Công ty B đã trả toàn bộ dư nợ gốc của GNN này. Tổng nợ lãi và lãi phạt còn lại phải trả đến ngày 22/07/2022 là: 185.532.765 đồng, trong đó bao gồm: dư nợ lãi: 130.429.251 đồng, dư nợ lãi phạt: 55.103.514 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 05-HĐTD/NTL-BĐ10 ngày 26/12/2012. Tổng số tiền giải ngân 4.741.770.531 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 26/12/2012, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 919.936.412 đồng (gồm nợ lãi 651.400.727 đồng; nợ lãi quá hạn 268.535.685 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 06-HĐTD/NTL-BĐ10 ngày 28/12/2012. Tổng số tiền giải ngân là 3.499.919.196 đồng.

+ Giấy nhận nợ số 01 ngày 04/01/2013 số tiền giải ngân 1.999.919.196 đồng, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ dư nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 505.218.133 đồng (gồm nợ lãi 353.819.084 đồng; nợ lãi quá hạn 151.399.049 đồng).

+ Giấy nhận nợ số 02 ngày 28/12/2012 số tiền giải ngân 1.500.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm. Đã trả toàn bộ nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 289.843.750 đồng (gồm nợ lãi 206.062.500 đồng; nợ lãi quá hạn 83.781.250 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 07-HĐTD/NTL-BĐ10 ngày 07/01/2013. Tổng số tiền giải ngân: 815.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 07/01/2013, lãi suất 14%/năm. Đã trả được 595.000.000 đồng nợ gốc. Số tiền còn nợ đến ngày 22/07/2022 là 1.101.619.652 đồng (gồm nợ gốc 220.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 534.897.708 đồng; nợ lãi quá hạn 255.721.944 đồng).

Tổng số tiền Ngân hàng thương mại cổ phần C đã giải ngân cho các hợp đồng là 21.238.634.723 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản vay bắt đầu chuyển quá hạn từ ngày 22/11/2013.

Tính đến hết ngày 22/07/2022, tổng số tiền Công ty cổ phần B đã trả Ngân hàng thương mại cổ phần C là 25.093.267.097 đồng gồm: trả nợ gốc 21.018.634.723 đồng; trả nợ lãi 4.074.632.374 đồng. Tổng số tiền Công ty cổ phần B còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C là 4.244.700.833 đồng gồm: nợ gốc 220.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 2.821.471.139 đồng; nợ lãi quá hạn 1.203.229.694 đồng.

Tài sản bảo đảm khoản vay là: Quyền sử dụng 98,9m² đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 712, tờ bản đồ số 05 có địa chỉ: phường VQ, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND quận H, Hà Nội cấp ngày 02/08/2011 mang tên ông ĐVC theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12.104.0004/HĐTC ngày 25/12/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 01-12.104.0004/HĐTC ngày 18/01/2013. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/12/2012 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H, thành phố Hà Nội.

Đến nay, Ngân hàng thương mại cổ phần C yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần C toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 22/7/2022 là 4.244.700.833 đồng gồm: nợ gốc 220.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 2.821.471.139 đồng; nợ lãi quá hạn 1.203.229.694 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 23/7/2022 đến khi Công ty cổ phần B thanh toán hết số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ hai bên đã ký kết. Nếu Công ty cổ phần B không thanh toán được khoản nợ như trên thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo thủ tục chung để thu hồi nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng liên quan đến việc xem xét, thẩm định, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các lời khai đã khai đã trình bày nêu trên. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 318, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 317, Điều 319, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 90, 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

2. Buộc Công ty cổ phần B có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP C:

- Toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày 22/07/2022 là 4.244.700.833 đồng (bốn tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: nợ gốc 220.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 2.821.471.139 đồng; nợ lãi quá hạn 1.203.229.694 đồng.

- Khoản tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc kể từ ngày 23/07/2022 đến khi tất toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 12.104.0001/HĐTDNT/NTL-BĐ10 ngày 22/11/2012, các Hợp đồng tín dụng kèm theo và khế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên.

2.1 Trường hợp Công ty cổ phần B không trả được khoản tiền tại mục 2 nêu trên thì Ngân hàng TMCP C có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 98,9m² đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 712, tờ bản đồ số 05 có địa chỉ: phường VQ, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND quận H, Hà Nội cấp ngày 02/08/2011 mang tên ông ĐVC để thu hồi nợ.

2.2 Trường hợp Công ty cổ phần B trả được khoản nợ ghi tại mục 2 nêu trên thì Ngân hàng TMCP C có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho người thế chấp tài sản và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật.

2.3 Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán cho khoản vay được bảo đảm thì Công ty cổ phần B có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho thì Ngân hàng TMCP C đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

2.4 Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền Công ty cổ phần B còn nợ Ngân hàng TMCP C thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho người thế chấp tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần B phải chịu 112.244.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP C số tiền 56.150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009814 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bị đơn Công ty cổ phần B thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền là 800.000.000 đồng.

Cụ thể như sau:

Chậm nhất ngày 10/12/2022 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng

Chậm nhất ngày 25/12/2022 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

Trong tháng 01/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng

Trong tháng 02/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng

Trong tháng 3/2023 bị đơn thanh toán nốt cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng

Nếu Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng sự thỏa thuận trên thì Công ty cổ phần B phải thực hiện theo quyết định tại Bản án sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Về án phí, bị đơn tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần C và Công ty cổ phần B không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội theo hướng thỏa thuận của các bên. Về án phí phúc thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần B được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C với Công ty cổ phần B phát sinh từ hợp đồng tín dụng, được xác lập bởi các chủ thể đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần B có địa chỉ tại: đường TP, phường VQ, quận H, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

Bị đơn Công ty cổ phần B thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền là 800.000.000 đồng.

Cụ thể như sau:

Chậm nhất ngày 10/12/2022 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng

Chậm nhất ngày 25/12/2022 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

Trong tháng 01/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng

Trong tháng 02/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng

Trong tháng 3/2023 bị đơn thanh toán nốt cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng

Nếu Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng sự thỏa thuận trên thì Công ty cổ phần B phải thực hiện theo quyết định tại Bản án sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Về án phí, bị đơn tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần C và Công ty cổ phần B không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần B kháng cáo, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn Công ty cổ phần B thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền là 800.000.000 đồng.

Cụ thể như sau:

Chậm nhất ngày 10/12/2022 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng

Chậm nhất ngày 25/12/2022 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

Trong tháng 01/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng

Trong tháng 02/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng

Trong tháng 3/2023 bị đơn thanh toán nốt cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng

Nếu Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng sự thỏa thuận trên thì Công ty cổ phần B phải thực hiện theo quyết định tại Bản án sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần C và Công ty cổ phần B không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần B phải nộp 36.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần C 56.150.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009814 ngày 13/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

3. Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần B phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0010464 ngày 18/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận H, tp Hà Nội;
- TAND quận H, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn